

KINH TỌA THIÊN TAM-MUỘI QUYỂN HẠ

Bấy giờ, hành giả tuy đạt được nhất tâm nhưng chưa thành tựu định lực, còn bị phiền não ở Dục giới làm rối loạn, nên dùng phương tiện tinh tấn tu học, đạt được Sơ thiền nhằm trừ bỏ những ái dục.

Làm thế nào để diệt trừ? Quán xét lỗi lầm về dục của Dục giới là bất tịnh với vô số những thứ bất thiện. Nên nhớ nghĩ ở Sơ thiền sẽ được an ổn, vui vẻ.

Quán xét về dục là thế nào? Từ nhận biết dục là vô thường với những tác động gây nên oan gia như huyễn hóa, rỗng không, không thể nắm bắt. Nhớ nghĩ chưa được thì tâm tối tăm, loạn động, huống nữa đã bị dâm dục trói buộc, che phủ. Vui ở cõi trời còn không an ổn huống nữa là ở cõi người. Tâm người tham đắm cõi Dục không nhằm chán như lửa được bén vào củi, như biển dung nạp các dòng, như vua Đảnh Sinh tuy đủ bảy thứ báu, làm vua bốn cõi thiên hạ, được Đế Thích phân nửa tòa ngai vẫn không cho là đủ, như họ Na-hầu-sa, vua Chuyển kim luân bị dục giày vò, đọa vào loài mãng xà. Lại như Tiên nhân ăn trái cây, mặc áo cỏ, sống ở nơi thâm sâu, xoa tóc cầu đạo hãy còn không tránh khỏi giặc tham dục hủy hoại, thích vui thì ít, oán giận độc hại lại nhiều. Người tham dục thích gần gũi kẻ ác, xa lìa người hiền.

Dục là rượu độc làm cho say mê trong sự tối tăm, lầm lạc.

Dục là lửa dối, sai khiến kẻ ngu, làm mầm mống cho muôn vàn đau khổ không được tự tại, chỉ có xa lìa dục ở thân thì tâm được an ổn, vui vẻ vô cùng.

Dục không chỗ đạt được như chỏ gặm xương khô. Mong cầu dục phải vất vả, cực khổ mới được, được dục thật là khó, nhưng mất đi thì rất dễ dàng. Ví như sự nhờ vả chỉ trong chốc lát không thể lâu dài, như những điều thấy trong mộng chốc lát liền diệt mất.

Dục là hoạn nạn, khi cầu đã khổ mà được rồi cũng khổ, được nhiều thì khổ nhiều, như lửa gặp củi, củi càng nhiều thì cháy nhiều.

Dục như miếng thịt, bị các loài chim giành nhau ăn. Tóm lại, như con thiêu thân bay vào ngọn lửa, như cá mắc phải lưỡi câu, như nai chạy theo tiếng vang, như khát uống nhầm nước mặn. Chúng sinh vì dục mà bị tất cả các khổ nạn, chịu đủ thứ khổ.

Vì thế nên biết, dục là độc hại, phải mong cầu đạt được Sơ thiền để diệt trừ lửa dục. Hành giả tâm phải chuyên cần tinh tấn, tin tưởng được an vui, khiến cho tâm tiến lên, ý không tán loạn. Quán xét tham dục để tâm nhằm chán, từ bỏ hết phiền não kết sử, được định Sơ thiền, xa lìa lửa dục, để được nước thiền định mát ngọt, như khi nóng nực được bóng mát, như kẻ bần cùng được giàu có. Khi đó, liền được niềm vui của Sơ thiền. Tư duy ở trong thiền định được các công đức. Quán phân biệt về tốt xấu liền được nhất tâm.

Hỏi:

–Người tu tập thiền định được tướng nhất tâm, làm thế nào có thể nhận biết?

Đáp:

–Thực hành thiền định sắc mặt vui vẻ hiền hòa, điềm tĩnh, thường nhất tâm, mắt không tham đắm sắc, nhờ định lực công đức của thần thông, không tham danh lợi, trừ

sạch kiêu mạn, tánh ấy hòa dịu, không ôm lòng độc hại, lại không có bợn sển, ganh ghét, hiểu chính xác tâm thanh tịnh, bàn luận không tranh cãi, thân không lừa dối, lời nói đúng đắn, tâm tánh hòa dịu, biết hổ thẹn trong chánh pháp, chuyên cần tinh tấn giữ gìn giới cấm đầy đủ, đọc tụng kinh sách, suy nghĩ đúng như chánh pháp mà thực hành.

Tâm ý thường an vui, đối với chỗ không vừa lòng vẫn không giận dữ, với bốn sự cúng dường nếu không thanh tịnh thì không thọ nhận. Nếu bố thí thanh tịnh thì nhận lấy nhưng biết vừa đủ, hiểu rõ, xem nhẹ lợi dưỡng có thể thực hành hai pháp bố thí, nhẫn nhục để đoạn trừ tà kiến, bàn luận về nghĩa lý không tự cao, tự mãn, ít nói năng, cung kính khiêm tốn đối với các bậc thượng, trung, hạ; thường thân cận, vâng lời thầy lành, bạn tốt; ăn uống điều độ, không tham vật ngon; thích ở nơi vắng lặng, hoặc khổ, hoặc vui, tâm nhẫn nhục không lay động, không oán thù, không cạnh tranh, không kiêu căng. Đây đủ các tướng như vậy thì biết đó là tướng nhất tâm. Hai việc quán này làm loạn tâm thiền định như nước lã trong bị khuấy động thì vẫn đục.

Hành giả cũng như vậy, bên trong đã nhất tâm, quán xét rõ chỗ bị não loạn, như mệt nhọc được nghỉ ngơi, như ngủ nghỉ được an ổn, cứ tuần tự như vậy không giác, không quán thì sinh định thanh tịnh, bên trong thanh tịnh hỷ lạc, chứng được Thiền thứ hai. Tâm vốn an nhiên vắng lặng không có đối tượng thủ đắc, chứng đắc hỷ này rồi, khi ấy tâm quán xét cho hỷ là vướng bận. Thực hành giác quán như ở trên, không thấy pháp hỷ mới lìa được hỷ, chứng đắc lạc của bậc Thánh hiền nhất tâm biết rõ, giữ gìn chánh niệm chứng nhập Thiền thứ ba. Đã xả bỏ hỷ nên nhận biết đúng, nhớ nghĩ về lạc, xả. Bậc Thánh gọi là lạc, xả, người khác bỏ lạc là khó bậc nhất. Từ thiền này trở lên không có lạc, cho nên tất cả bậc Thánh nhân đối với các cõi tịnh đều nói từ là niềm vui bậc nhất, lạc tức là vướng bận. Vì sao? Vì trong Thiền thứ nhất, tâm không loạn động. Do vô sự nên có động tức có chuyển, có chuyển thì có khổ. Cho nên, Thiền thứ ba cho lạc là sự trở ngại. Lại dùng sự tốt đẹp để xả bỏ khổ - lạc ấy. Trước hết trừ tâm ưu, hỷ, trừ bỏ khổ lạc, giữ niệm thanh tịnh, đạt được Thiền thứ tư, không khổ không lạc, giữ niệm thanh tịnh, nhất tâm. Vì thế, Đức Phật dạy, giữ niệm thanh tịnh tột bậc gọi là Thiền thứ tư. Vì nơi lạc, Thiền thứ ba do làm động niệm gọi là khổ. Cho nên, Thiền thứ tư trừ diệt khổ, lạc nên gọi là nơi chốn không còn động niệm, dần dần quán cõi không, phá trừ các tướng có đối đãi, không nhớ nghĩ các thứ sắc, quán vô lượng cõi không thường quán xét sắc xứ, nhớ nghĩ công đức thượng diệu của định nơi không xứ, tu tập nhớ nghĩ pháp ấy, đạt được không xứ, nhớ nghĩ vô lượng thức xứ, quán vượt qua không xứ, nhớ nghĩ công đức của vô lượng thức xứ, tu tập nhớ nghĩ pháp ấy, đạt được thức xứ. Đặt niệm vào vô sở hữu xứ, quán vượt qua thức xứ, nhớ nghĩ công đức của vô sở hữu xứ. Tu tập, đặt niệm vào pháp ấy liền đạt được vô sở hữu xứ. Đặt niệm vào phi hữu tướng, phi vô tướng xứ. Nếu như tất cả tướng đều là chướng ngại lớn như bệnh, như sự hủy diệt, nếu vô tướng là chốn mê mờ thì phi hữu tướng, phi vô tướng là cõi lành an ổn bậc nhất. Quán vượt qua vô sở hữu xứ, nhớ nghĩ công đức của phi hữu tướng, phi vô tướng, tu tập đặt niệm vào pháp ấy liền chứng được phi hữu tướng, phi vô tướng xứ.

Hoặc có hành giả từ Địa thứ nhất cho đến địa trên, ở trong địa trên tu tập thực hành tâm Từ, trước hết tự mình được an lạc, diệt trừ các độc giận dữ, thứ đến ban cho chúng sinh khắp cả mười phương. Khi ấy, đạt được Tam-muội tâm Từ. Tâm Bi thương xót khổ của chúng sinh, có thể diệt trừ mọi thứ phiền não, thể hiện đến khắp vô lượng chúng sinh, khi ấy liền được Tam-muội tâm Bi. Có thể diệt trừ mọi thứ trở ngại an lạc, khiến cho vô lượng chúng sinh đều được an vui, khi ấy liền được Tam-muội tâm Hỷ. Có

thể phá trừ khổ lạc, quán xét vô lượng chúng sinh khắp mười phương, khi ấy liền đắc Tam-muội tâm xả. Thiền thứ hai cũng lại như vậy. Thiền thứ ba và thứ tư thì trừ hỷ. Nếu người tu học đạt được năm thông thì thân có thể bay đi, biến hóa tự tại. Hành giả nhất tâm nhằm đạt đến các tinh tấn của mình, nhất tâm của tuệ. Nhất tâm quán xét thân, thường khởi tưởng nhẹ nhàng để bay được, hoặc lớn hoặc nhỏ, hai thứ này đều là trở ngại đối với sự tinh tấn vượt bậc. Có thể nhất tâm tư duy quán xét nhẹ nhàng như người có thể bơi, sức của tâm mạnh mẽ nên không bị chìm đắm, cũng như vượn khỉ từ cao rơi xuống thấp nhờ sức của tâm mạnh mẽ nên thân không bị tổn thương. Như vậy, năng lực nơi dục, năng lực của tinh tấn, năng lực nơi nhất tâm, năng lực của trí tuệ khiến cho tâm lực đó rộng lớn mà thân lại nhỏ, liền có thể bay được.

Lại nữa, quán xét thân ở cõi không, thường tập quán này, năng lực của dục, năng lực của tinh tấn, năng lực của nhất tâm, năng lực của trí tuệ thật là rộng lớn nên thân liền có thể bay lên, như sức của gió lớn có thể dời vật nặng đến chỗ xa. Người này cũng như vậy. Ban đầu nên tự thử nghiệm, cách đất một thước, hai thước, dẫn đến một trượng, rồi trở lại chỗ cũ như chim con tập bay, trẻ nhỏ tập đi, tư duy kỹ biết năng lực của tâm đều có thể đạt đến chỗ cao xa, tập học quán bốn đại Từ bỏ đại địa, chỉ quán ba đại, tâm nghĩ không tán loạn liền được tự tại, thân vô ngại như chim bay đi. Lại phải học tập xa tưởng gần, xa nên gần diệt, xa hiện bày. Lại có thể biến hóa các vật như quán các loại cây cối, đất đai từ bỏ các thứ khác. Cây cối liền biến thành đất. Vì sao? Vì trong cây cối có phần của đại địa. Thủy, hỏa, phong, không và các vật báu vàng bạc đều như vậy. Vì sao? Vì trong cây có đủ các thành phần đó. Ở Sơ thiền thân thông làm căn bản. Ở thiền thứ tư có mười bốn tâm biến hóa. Sơ thiền có hai quả: Một là Sơ thiền, hai là cõi Dục. Thiền thứ hai có ba quả: Một là Nhị thiền, hai là Sơ thiền, ba là cõi Dục. Thiền thứ ba có bốn quả: Một là Tam thiền, hai là Nhị thiền, ba là Sơ thiền, bốn là cõi Dục. Thiền thứ tư có năm quả: Một là Tứ thiền, hai là Tam thiền, ba là Nhị thiền, bốn là Sơ thiền, năm là cõi Dục.

Ngoài các thần thông này, trong luận Đại Thừa có nói: Đệ tử của Đức Thế Tôn tu tập năm pháp môn mong cầu chứng Niết-bàn. Có hai hạng người: Phần nhiều người thích thiền định đắm chấp lạc, hoặc người phần nhiều ưa thích trí mà lại sợ nạn khổ. Người nhiều định, trước tu tập pháp thiền, sau đó chứng đắc Niết-bàn. Người nhiều trí hướng thẳng Niết-bàn, nhưng người này chưa đoạn được phiền não, cũng chưa đạt được thiền định nên chuyên tâm không tán loạn, mong cầu chứng Niết-bàn vượt qua các phiền não như tham ái. Đó gọi là Niết-bàn. Thân thật sự là vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì thân điên đảo nên có thường, lạc, ngã, tịnh. Do những việc như vậy nên tham ái chấp vào thân này, tức là hàng chúng sinh thấp kém. Hành giả muốn diệt trừ điên đảo nên tu tập chỉ, quán bốn Niệm xứ, quán thân đủ các khổ nạn. Từ nhân duyên sinh nên vô thường, đủ các khổ não. Thân có ba mươi sáu thứ bất tịnh. Vì không được tự tại nên vô ngã. Tu tập quán như vậy để quán trong thân, ngoài thân, quán trong lẫn ngoài thân. Tu tập quán như vậy gọi là Thân niệm chỉ. Thật tướng của thân là như vậy.

Do đâu đối với thân này khởi điên đảo tham chấp?

Tư duy kỹ, suy niệm thọ lạc của thân. Vì ưa thích thọ lạc nên ham thích thân này. Quán thọ lạc thật không thể nắm bắt được. Tại sao không thể đạt được lạc? Do nơi y phục và thức ăn dẫn đến lạc. Lạc tăng nhiều là sinh khổ, chẳng phải là lạc chân thật, như nạn khổ ung nhọt, nên dùng thuốc để chữa trị, khổ hết tức là lạc, chẳng phải lạc chân thật.

Lại nữa, cho khổ cũ là khổ, khổ mới là lạc, như gánh nặng khi đổi vai cho rằng đã hết nặng nên lạc, chẳng phải là lạc, như tánh lửa nóng bức không có lúc nào lạnh. Nếu là lạc đích thật thì không có phi lạc. Hoặc cho rằng sự việc bên ngoài là lạc, nhân duyên chưa hẳn là lạc. Hoặc khi là nhân của lạc, khi là nhân của khổ. Nếu khiến tâm pháp tương ứng với sự ưa thích, bấy giờ là lạc. Nếu khi tâm pháp tương ứng với sự giận dữ tức là khổ, cùng tương ứng với vô minh tức là không khổ, không lạc. Từ đấy suy ra có thể biết được có lạc hay không có lạc.

Đáp:

–Không đúng như vậy. Dâm dục không phải là lạc. Vì sao? Nếu dâm dục ở bên trong thì không phải cầu sắc bên ngoài của người nữ. Cầu sắc bên ngoài của người nữ nên biết dâm dục là khổ. Nếu dâm dục là lạc thì không phải luôn từ bỏ. Nếu từ bỏ thì không phải là lạc. Đối với khổ lớn cho khổ nhỏ là lạc, như người bị đầy tội chết, chỉ chịu hình phải roi cho là lạc. Tâm dục hừng hực nên cho dục là lạc. Khi già nhàm chán dục, biết dục chẳng phải là lạc. Nếu tưởng lạc chân thật thì không nên nhàm chán, đầy đủ các nhân duyên. Như vậy, tưởng dục lạc thật không thể nắm bắt được. Lạc mất tức khổ. Phật dạy: Thọ lạc nên quán khổ, thọ khổ nên quán lạc, như mũi tên găm vào thân thể, không khổ không lạc nên quán sinh diệt vô thường. Đó là Thọ niệm chỉ. Nên biết tâm thọ khổ, lạc, không khổ, không lạc.

Tâm ấy là thế nào?

Tâm ấy là vô thường, từ nhân duyên sinh ra, sinh diệt không ngừng, giống như sinh, chỉ do điên đảo nên cho là một, xưa không nay có, mà đã có lại không, nên gọi là vô thường.

Làm sao quán biết tâm là không?

Từ nhân duyên sinh có nhân, có sắc thì có thể nhận biết nhớ nghĩ. Muốn thấy được như vậy tức do chúng hòa hợp sinh ra nhãn thức. Như mặt trời ưa thích châu báu, có mặt trời thì có ngọc trai. Có cỏ khô, phân bò các duyên hòa hợp nên sinh ra lửa, chỉ một duyên để tìm cầu lửa thì không thể được, các duyên hòa hợp thì có lửa. Nhãn thức cũng như vậy, không trú trong mắt, cũng chẳng phải trú ở trong sắc, không trú ở chặng giữa, không có chỗ trú. Cho nên, Đức Phật dạy: Quán tâm quá khứ, hiện tại đều như huyễn hóa, hoặc khổ, hoặc vui, không khổ không vui, tâm mỗi mỗi đều biến đổi, đều diệt. Có tâm tham dục hoặc không tham dục cũng vậy, mỗi mỗi đều sinh, mỗi mỗi đều diệt, quán trong tâm, ngoài tâm, quán trong ngoài tâm cũng vậy. Đó gọi là Tâm niệm chỉ.

Lại nữa, quán tâm thuộc về cái gì? Quán tưởng tư duy, nhớ nghĩ các dục, các tâm tương ứng với pháp và không tương ứng với pháp. Quán kỹ đối tượng và không có đối tượng nắm bắt. Vì sao? Vì từ nhân duyên sinh nên vô thường. Do vô thường nên khổ. Vì khổ nên không được tự tại. Do không được tự tại nên không chủ thể. Vì không chủ thể nên không tĩnh lặng. Trước hết quán riêng biệt về thân, thọ, tâm, pháp thì không thể được. Nay quán tổng quát về bốn Niệm chỉ trong đó chủ thể cũng không thể nắm bắt được, nhưng lia bỏ các xứ để mong cầu thì cũng không thể được. Nếu thường thì không thể được, không thường cũng không thể được. Nếu thường thì đối với thường khổ hay vui cũng phải luôn nhớ. Nếu người thường có thần ngã thì không có tội sát sinh, náo hại, cũng không có Niết-bàn. Nếu thân là thần ngã, khi thân vô thường diệt thì thần ngã cũng phải diệt, không có đời sau cũng không có tội phước. Quán rộng khắp như vậy đều không có chủ thể. Các pháp đều không, không tự tại, do các duyên hòa hợp mới sinh ra, các duyên hủy hoại thì diệt đi. Như vậy, pháp do duyên hòa hợp gọi là pháp Niệm chỉ.

Nếu hành giả chứng được pháp Niệm chỉ rồi lại nhầm chán các pháp không, già, bệnh, chết của thế gian đều chẳng có chút gì là thường, lạc, ngã, tịnh cả. Sao ta lại đối với pháp không này mong cầu làm gì? Nên phải an trú trong pháp thiện tối thượng để hội nhập Niết-bàn, kiến lập năng lực tinh tấn đạt được Thâm-xá-ma-đà. Khi chứng đắc Thâm-xá-ma-đà thì an trú trong bốn pháp Niệm chỉ. Quán tưởng các pháp đều khổ, không vui, không vui là thật còn lại hư dối. Nhân của khổ là các phiền não như tham ái... chẳng phải trời, chẳng phải thời, chẳng phải ngoại cảnh đều do vọng ngữ sinh ra, do phiền não và nghiệp phát sinh khổ này. Nếu chứng được Niết-bàn thì tất cả khổ đều diệt tận, chẳng phải sắc, vô sắc và sự khởi đầu của thế giới. Tất cả các vọng ngữ có thể diệt được khổ này. Tám Chánh đạo như chánh kiến... là đường Niết-bàn. Chẳng như ngoại đạo hành các khổ hạnh như trì giới, thiền định, trí tuệ không thiết thực. Vì sao? Vì trong Phật pháp, hành cả ba môn giới, định, tuệ thì có thể hội nhập Niết-bàn. Ví như người đứng trên mặt đất bằng, cầm cung tên tốt có thể bắn chết giặc thù. Hành cả ba pháp môn cũng vậy, giới là mặt đất bằng phẳng, thiền định là cung tốt, trí tuệ là tên nhọn, đầy đủ ba pháp môn thì có thể giết giặc phiền não. Thế nên, hàng ngoại đạo không thể chứng đắc Niết-bàn.

Bấy giờ, hành giả khởi pháp quán bốn duyên như duyên bản cung giới.

Quán khổ có bốn thứ, do nhân duyên sinh nên vô thường, tâm bị khổ não nên khổ, không một thứ gì nắm bắt được nên không, không tạo tác, không thọ nhận nên vô ngã.

Quán bốn thứ tích tập và phiền não, nghiệp hữu lậu hòa hợp nên gọi là tập. Giống như quả sinh là nhân. Ở trong đó được tất cả hành nên có sinh, chẳng giống như quả liên tục nên gọi là duyên.

Quán tận có bốn thứ: Vì tất cả phiền não che phủ nên gọi là Bế. Trừ lửa phiền não gọi là diệt. Đứng đầu trong tất cả pháp gọi là diệu. Vượt ra khỏi thế giới gọi là xuất.

Quán đạo có bốn thứ: Có thể đạt đến Niết-bàn nên gọi là đạo. Không điên đảo nên gọi là chánh. Tất cả chỗ bậc Thánh đi qua gọi là tích. Thoát khỏi sáu não của thế gian nên gọi là ly.

Quán như vậy được pháp giống như vô lậu gọi là pháp Noãn.

Thế nào là noãn?

Thường siêng năng tinh tấn, nên gọi là pháp Noãn. Các củi phiền não bị lửa trí vô lậu thiêu đốt, các dục phát sinh tương ban đầu gọi là pháp nhẫn. Ví như cái dùi nung vào lửa, lúc đầu phát ra khói nên gọi là noãn. Đây là tướng đầu tiên của quả vị Niết-bàn. Trong đệ tử Phật có hai hạng người:

1. Phần nhiều ưa thích mong cầu thiền định. Đó là người thuộc đạo hữu lậu.
2. Phần nhiều trừ bỏ tham ái, ưa thích trí tuệ chân thật.

Đây là hạng người hưởng thẳng đến Niết-bàn, hội nhập vào pháp noãn. Người có tướng noãn thì đạt được nhất tâm sâu xa. Pháp chân thật như ảnh trong gương thấu suốt cảnh giới vô lậu. Bấy giờ, hành giả đạt được an ổn lớn, tự nghĩ: Thiền định của ta sẽ đạt được Niết-bàn. Người thấy đạo như vậy, như người đào giếng đã đến đất mềm thì sẽ biết chẳng bao lâu là có nước. Như người đánh giặc, giặc đã thất bại, tự biết mình đã thắng nên trong lòng an ổn. Như người sắp chết, ta muốn biết còn sống hay không thì trước tiên dùng gậy gõ vào thân. Nếu người ấy các mạch bên trong nổi lên thì biết rằng còn ấm, chắc rằng có thể sống.

Cũng vậy, người nghe pháp tư duy vui vẻ, tâm không tham chấp, lòng hăng hái, hành giả có pháp Noãn như vậy gọi là pháp Noãn, cũng gọi là có thể đạt được phần

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thiện căn của Niết-bàn. Pháp thiện căn có mười sáu hành duyên với bốn Đế. Trong sáu địa, một trí tuệ có tất cả pháp cơ bản vô lậu. Dĩ nhân là người mới đạt được vô lậu thì có thể đạt được an ổn, gọi là có pháp Noãn, càng tiến dần lên thì gọi là pháp Đảnh, như sữa tươi chuyển hóa thành sữa đặc. Người quán thật tướng nơi các pháp cho rằng: Ta phải thoát khỏi khổ. Tâm ưa thích pháp này là pháp chân thật có thể đoạn trừ các thứ khổ não và già, bệnh, chết.

Bấy giờ, nên tư duy ai giảng thuyết pháp này?

–Là Phật Thế Tôn.

Từ đây được lòng tin thanh tịnh đối với Phật bảo. Nếu không có pháp này thì tất cả phiền não lấy cái gì để có thể ngăn cản? Ta phải làm thế nào để được một chút ánh sáng trí tuệ chân thật?

Từ đây, được lòng tin thanh tịnh đối với Pháp bảo, được sự vui mừng lớn. Nếu ta không thể làm bạn tốt với đệ tử của Phật thì phải làm thế nào để được một chút ánh sáng trí tuệ chân thật?

Từ đây, được lòng tin đối với Tăng bảo thanh tịnh, được niềm vui lớn. Trong ba ngôi báu, nhất tâm thanh tịnh hợp với trí tuệ chân thật là thiện căn trên hết, cũng gọi là pháp Đảnh, cũng gọi là có thể đạt được phần thiện căn của Niết-bàn. Như trong kinh Ba-la-diên có nêu:

*Ngôi báu Phật, Pháp, Tăng
Ai lòng tin thanh tịnh
Gọi thiện căn pháp Đảnh
Các ông nhất tâm giữ.*

Như thế, lòng tin đối với Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, A-la-hán ít mà đối với Dĩ nhân lại nhiều. Lại nữa, lòng tin này có thể bị phá trừ, có thể mất đi cho nên gọi là ít trí tuệ, như trong kinh Pháp Cú có nêu:

*Chuồn sinh quả thì chết
Tre ra hoa cũng vậy
La sinh con liền chết
Người kém nuôi cũng thế.
Phá mất chẳng được lợi
Người hèn được tiếng khen
Phần trong sạch diệt hết
Cho đến pháp Đảnh mất.*

Lại nữa, chưa đoạn được các kết sử, chưa đạt được tâm vô lượng, trí tuệ vô lậu, vì thế nên gọi là thiếu trí. Lại nữa, siêng năng tinh tấn, nhất tâm hội nhập vào Niết-bàn, quan sát hiểu rõ năm ấm, bốn đế, mười sáu hành. Khi ấy, tâm không thiếu sót, không hối tiếc, không thoái lui, ưa thích lạc, nhập vào pháp Nhẫn gọi là thiện căn của nhẫn.

Thế nào là nhẫn?

Tùy theo bốn đế gọi là nhẫn. Thiện căn có ba loại thuộc ba thời thượng, trung, hạ.

Thế nào gọi là nhẫn? Quán xét năm ấm vô thường, khổ, không, vô ngã. Tâm nhẫn chịu không thoái lui gọi là nhẫn.

Lại nữa, quán xét thế gian đều là khổ, không, chẳng có vui. Khổ ấy nhân nơi tập là các phiền não như ái... Trí của tập ấy duyên tận gọi là pháp thượng, lại không có pháp gì cao hơn nữa. Tám Chánh đạo có khả năng khiến cho người hành trì đạt được Niết-

bàn, không có gì hơn nữa. Lòng tin chắc chắn như vậy, không hối tiếc, không nghi ngờ gọi là nhẫn. Trong đó lại có nhẫn mà các kết sử, tất cả phiền não nghi ngờ, hối tiếc không nhập vào tâm, không thể phá hoại. Ví như núi đá có vô số gió, nước không thể chuyển động. Cho nên gọi là nhẫn, đạt được những việc như vậy gọi là bậc Dĩ nhân chân thật, như trong kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy:

*Chánh kiến vượt thế gian
Có ai đạt được nhiều
Cho đến ngàn vạn năm
Trọn không đọa đường ác.*

Như vậy, chánh kiến của thế gian gọi là thiện căn của nhẫn. Người ấy đa phần dốc lòng tinh tấn, rất nhàm chán hành nơi thế gian, muốn hiểu rõ tướng bốn Đế, hướng đến Niết-bàn. Như vậy, trong nhất tâm gọi là pháp Bạc nhất của thế gian (Thế đệ nhất). Một khi trụ vào bốn hành: Vô thường, khổ, không, vô ngã, thì nên quán khổ pháp nhẫn của một đế trong bốn Đế.

Do đâu phải quán năm thọ ấm, vô thường, khổ, không, vô ngã của cõi Dục?

Trong đó tâm nhẫn nhập vào tuệ, cũng là tâm tương ứng với các pháp của tâm. Đó là pháp Nhẫn về khổ. Các hành: Thân nghiệp, khẩu nghiệp và tâm không tương ứng. Cửa ngõ đầu tiên của tất cả pháp vô lậu từ hiện tại đến vị lai đều gọi là pháp nhẫn về khổ. Kế đến, phát sinh pháp trí về khổ. Pháp Nhẫn về khổ đoạn trừ các kết sử thì pháp trí về khổ liền chứng đắc.

Ví như một người cắt cỏ, một người bó lại. Cũng như dao bén chặt tre, gặp gió liền ngã. Vì công phu của nhẫn trí nên việc ấy được hoàn thành, đoạn được mười kết sử trói buộc của cõi Dục. Bấy giờ, các trí khác được trí vô lậu nhưng chưa được tuệ vô lậu.

Khi ấy, hoàn thành được một trí. Trong tâm thành tựu pháp trí thứ hai. Khổ trí, đẳng trí qua tâm thứ ba và tâm thứ tư thì thành tựu bốn trí: Khổ trí, Pháp trí, Tỷ trí, Đẳng trí.

Trong pháp trí của Tập, Diệt, Đạo, nếu mỗi một trí tăng, người ly dục nhận biết tâm của người khác thì trí thành tựu tăng trưởng. Tỷ nhẫn về khổ và tỷ trí về khổ đoạn được mười tám kết sử thì bốn tâm nơi khổ đế có thể chứng được pháp Nhẫn về tập, pháp trí về tập, đoạn trừ bảy kết sử của cõi Dục.

Tỷ nhẫn về tập và tỷ trí về tập đoạn trừ mười ba kết sử trói buộc nơi cõi Sắc và Vô sắc.

Pháp nhẫn về diệt và pháp trí về diệt đoạn trừ bảy kết sử trói buộc của cõi Dục.

Tỷ nhẫn về diệt và tỷ trí về diệt đoạn trừ mười hai kết sử trói buộc của cõi Sắc và Vô sắc.

Pháp nhẫn về đạo và pháp trí về đạo đoạn tám kết sử trói buộc của cõi Dục.

Tỷ nhẫn về đạo và tỷ trí về đạo đoạn mười bốn kết sử trói buộc của cõi Sắc và Vô sắc.

Tỷ trí về đạo gọi là quả Tu-đà-hoàn.

Các pháp tướng của thật trí là mười sáu tâm hay trong mười lăm tâm. Hàng lợi căn gọi là Tùy pháp hành. Hàng độn căn gọi là Tùy tín hành. Thứ hai, người chưa ly dục gọi là hướng đến sơ quả, trước chưa đoạn kết sử đắc mười sáu tâm gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu trước đã đoạn được sáu phẩm kết sử, đắc mười sáu tâm gọi là Tư-đà-hàm. Nếu trước đoạn chín phẩm kết sử, đắc mười sáu tâm gọi là A-na-hàm. Nếu người trước chưa ly dục, đoạn tám mươi tám kết sử gọi là Tu-đà-hoàn.

Lại nữa, được thiện căn của quả vô lậu nên gọi là Tu-đà-hoàn. Hàng lợi căn gọi là Kiến đắc. Hàng độn căn gọi là Tín ái. Người chưa đoạn trừ tư duy, kết sử thì còn bảy lần sinh trở lại. Nếu đoạn trừ ba thứ kết sử, tư duy thì gọi là Gia-gia ba lần tái sinh. Ba mươi bảy phẩm, tám phần Thánh đạo gọi là hướng đến Niết-bàn. Tùy theo sự tu tập tiến triển ấy, nên gọi Tu-đà-hoàn là mầm mống, công đức ban đầu để thành Phật. Thoát khỏi đường ác, ba kết sử được đoạn trừ, ba độc giảm bớt gọi là Tư-đà-hàm.

Lại nữa, chín thứ kết sử ở cõi Dục, kiến đế đoạn trừ, tư duy đoạn trừ. Nếu phàm phu trước hết dùng đường hữu lậu đoạn trừ sáu thứ kết sử trói buộc ở cõi Dục để đi vào đường Kiến đế trong mười sáu tâm gọi là Tư-đà-hàm, còn đoạn tám thứ để vào đường Kiến đế trong tâm thứ mười sáu thì được gọi là quả Tư-đà-hàm hướng đến A-na-hàm. Nếu đệ tử Phật được quả Tu-đà-hoàn, riêng đoạn ba kết sử cõi Dục thì được Tư-đà-hàm. Tư duy này đoạn trừ trói buộc nơi cõi Dục gồm chín loại kết sử, sáu loại đoạn kiến. Đó gọi là tám loại đoạn kiến của quả Tư-đà-hàm, là một loại quả Tư-đà-hàm hướng đến A-na-hàm.

Nếu người phàm phu đoạn trừ chín loại kết sử trói buộc của cõi Dục thì nhập vào đường kiến đế trong tâm thứ mười sáu, gọi là A-na-hàm. Nếu được Tư-đà-hàm thì tiến lên đoạn ba loại kết sử tư duy, đạt giải thoát đạo thứ chín gọi là A-na-hàm.

A-na-hàm có chín loại: Đời này nhập vào Niết-bàn A-na-hàm: Thân trung ấm nhập vào Niết-bàn A-na-hàm. Sinh rồi nhập vào Niết-bàn A-na-hàm. Ân cần cầu nhập Niết-bàn A-na-hàm. Không ân cần cầu nhập Niết-bàn A-na-hàm. Bạc thượng hạnh nhập Niết-bàn A-na-hàm. Đến cõi trời Sắc cứu cánh nhập Niết-bàn A-na-hàm. Đến cõi Vô sắc định nhập Niết-bàn A-na-hàm. Thân chứng A-na-hàm.

Thực hành hướng đến A-la-hán, A-na-hàm nơi cõi Sắc, Vô sắc có chín loại kết sử. Dùng Tam-muội kim cang vô ngại đạo thứ chín để phá tan tất cả kết sử, dùng trí tuệ giải thoát đạo tận thứ chín để tu tập tất cả căn lành. Đó gọi là quả A-la-hán.

A-la-hán này có chín loại. Đó là thoái pháp, bất thoái pháp, tử pháp, thủ pháp, trụ pháp, tất tri pháp, bất hoại pháp, tuệ thoát, cộng thoát. Trí tuệ tăng tiến dần dần thực hành năm loại pháp bị thoái chuyển gọi là Thoái pháp. Trí tuệ lạnh lợi, nhanh nhẹn thực hành năm pháp không bị lui sụt, gọi là Bất thoái pháp. Trí tuệ tăng tiến lên, tư duy nhằm chán, tự giết thân mình gọi là Tử pháp. Trí tuệ tăng tiến mạnh mẽ, tự bảo vệ thân gọi là Thủ pháp. Trí tuệ bậc trung, tiến bậc trung, trụ trong chỗ không tăng không giảm, gọi là Trụ pháp. Trí tuệ ít nhanh nhẹn, dốc sức tinh tấn có thể được giải thoát không hoại tâm, gọi là Tất tri pháp. Trí tuệ lạnh lợi, tiến mạnh mới được giải thoát không hoại tâm, gọi là Bất hoại pháp. Không thể nhập vào các thiền, chưa đến các lậu tận nơi trung địa gọi là Tuệ giải thoát. Đắc các thiền cũng diệt sạch các lậu của thiền gọi là Cộng giải thoát.

Có A-la-hán thường chán đủ tất cả pháp hữu vi, càng không cầu công đức, chỉ chờ đợi lúc nhập Niết-bàn.

Có A-la-hán cầu bốn Thiền, bốn Định vô sắc, bốn Đẳng tâm, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Nhất thiết nhập, chín Thứ đệ, sáu Thần thông, Tam-muội Nguyên trí, A-lan-nhã-na, Tam-muội Siêu việt, huân tập ba môn giải thoát của thiền và các điều phóng xả. Lại tạo tuệ lợi, cần tinh tấn. Hội nhập công đức các thiền như vậy gọi là được pháp bất thoái, pháp bất hoại. Khi Phật không xuất hiện ở đời thì không có Phật pháp, không đệ tử.

Lúc ấy, người lìa dục thì Bích-chi-phật xuất hiện. Bích-chi-phật có ba loại: thượng,

trung, hạ. Bậc hạ là vốn chứng được Tu-đà-hoàn hoặc Tư-đà-hàm. Tu-đà-hoàn này ở trong đời sống thứ bảy, khi không có Phật pháp thì không làm đệ tử, lại không ứng với đời sống thứ tám.

Bấy giờ, làm Bích-chi-phật đời sống thứ hai, hoặc Tư-đà-hàm. Khi ấy, không có Phật pháp, không được làm đệ tử, lại không ứng với đời sống thứ ba, làm Bích-chi-phật. Có người nguyện làm Bích-chi-phật, khi gieo trồng thiện căn của Bích-chi-phật không có Phật pháp, thiện căn đã thuần thực, nhằm chán thế tục, xuất gia chứng đạo gọi là Bích-chi-phật. Đó gọi là Bích-chi-phật bậc trung.

Có người cầu Phật đạo, do nhân duyên lui sụt nên trí lực và tấn lực ít. Bấy giờ, Đức Phật không xuất hiện ở đời, không có Phật pháp, cũng không có đệ tử, nhưng thiện căn tu hành thuần thực, làm Bích-chi-phật, có tướng tốt hoặc nhiều, hoặc ít, nhằm chán thế tục, xuất gia chứng đạo. Đó gọi là Bích-chi-phật bậc thượng.

Đối với các pháp, trí tuệ hội nhập cạn cợt gọi là A-la-hán, nhập vừa gọi là Bích-chi-phật, nhập sâu gọi là Phật. Như từ xa nhìn cây thì không thể phân biệt được cành lá, đến gần có thể phân biệt cành lá, nhưng không phân biệt được cánh hoa, đến ngay dưới cây thì có thể phân biệt biết được cành lá, hoa quả của cây.

Hàng Thanh văn có thể nhận biết tất cả các hành là vô thường, tất cả các pháp là vô chủ, chỉ Niết-bàn là an ổn, tốt đẹp. Hàng Thanh văn có thể quán như vậy chứ không thể nhập sâu, nhận biết rõ. Hàng Bích-chi-phật có thể phân biệt chút ít nhưng cũng không thể nhập sâu, nhận biết rõ. Đức Phật biết các pháp, phân biệt rõ ràng, nhập sâu, nhận biết rõ. Như vua nước Ba-la-nại, khi mùa hè nóng bức, ở trên lầu cao, ngồi giương bẫy bấu, sai nô tỳ xoa thân bằng hương ngưu đầu chiên-đàn. Cánh tay của nô tỳ đeo nhiều vòng xuyên, khi xoa vào thân vua, những cái xuyên kêu vang. Vua rất sợ chúng bèn bảo lần lượt tháo ra, xuyên ít thì tiếng nhỏ, khi chỉ còn một cái xuyên thì im lặng không có tiếng nữa. Khi ấy, nhà vua giác ngộ và nói: Quốc gia, thần dân, cung nhân, mỹ nữ, nhiều sự thì nhiều phiền não cũng như vậy. Tức thì, nhà vua lìa dục, ở một mình tư duy chứng được quả vị Bích-chi-phật, râu tóc tự rụng, mặc áo bình thường, từ lâu đài đi ra, dùng sức thần túc của mình ra khỏi nhà, vào trong núi. Nhân duyên như vậy là Bích-chi-phật bậc trung.

Nếu hành giả cầu Phật đạo, nhập thiền định, trước hết phải chú tâm chuyên nhớ nghĩ sinh thân của chư Phật ba đời khắp mười phương, đừng nhớ nghĩ đến đất, nước, lửa, gió, núi rừng, cỏ cây, trong trời đất các loại có hình tướng và các pháp khác, tất cả đều chớ nhớ nghĩ, chỉ nhớ nghĩ đến sinh thân của chư Phật ở trong hư không.

Ví như núi lớn Tu-di bằng vàng ở giữa nước sạch của biển cả. Như trong đêm tối đốt ngọn lửa lớn. Như cờ bẫy bấu ở trong đền thờ lớn. Như vậy, thân Phật có ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, thường ở trong tướng hư không màu xanh phóng ra vô lượng hào quang thanh tịnh. Thường nhớ nghĩ thân Phật như vậy thì hành giả liền được chư Phật ba đời khắp mười phương hiện ở trước mặt và thấy rõ tất cả Tam-muội. Nếu tâm duyên theo nơi khác thì thu giữ tâm trở lại, khiến niệm trụ nơi thân Phật.

Khi ấy, lại thấy ba trăm ngàn vạn ức vô lượng chư Phật ở phương Đông. Như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn hướng, trên dưới, tùy theo đối tượng nhớ nghĩ phương nào liền thấy tất cả Phật. Như người ban đêm nhìn thấy các vì sao, trăm ngàn, vô lượng vì sao đều thấy được. Bồ-tát được Tam-muội này trừ diệt tội nặng nơi vô lượng kiếp, tội nặng làm cho nhẹ, tội nhẹ làm cho diệt hết.

Được Tam-muội này rồi phải nhớ nghĩ đến vô lượng công đức, Nhất thiết trí, Nhất

thiết giải nhất thiết kiến, Nhất thiết công đức của chư Phật, được đại Từ, đại Bi tự tại, tự mình mới ra khỏi màn vô minh đạt bốn Vô sở úy, năm Nhân, mười Lục, mười tám pháp Bất cộng, có thể đoạn trừ vô lượng khổ, cứu nỗi lo sợ về lão tử, cùng với Niết-bàn thường lạc, Đức Phật có vô lượng công đức như vậy. Suy nghĩ như thế rồi, tự phát lời nguyện: “Đến khi nào đó con sẽ được thân như Phật, công đức rộng lớn như Phật?”

Lại phát lời đại thệ nguyện: “Tất cả phước quá khứ, tất cả phước hiện tại, đem hết cầu Phật đạo chứ không cầu quả báo khác.” Lại suy nghĩ: “Tất cả chúng sinh rất đáng thương xót, công đức thân Phật rộng lớn như vậy, cố sao chúng sinh lại cầu nghiệp khác mà không cầu Phật. Ví như người con đui mù của nhà giàu sang bị rơi xuống hầm sâu lớn, đói khổ vô cùng, ăn phân, bùn. Người cha rất thương con, tìm cách cứu nó, cứu vớt khỏi hầm sâu, cho con ăn thức ăn thượng vị.” Hành giả suy nghĩ: “Hai loại thân công đức cam lồ của Phật như vậy mà chúng sinh bị rơi vào hố sâu sinh tử, ăn các thứ bất tịnh, con sẽ dùng tâm đại Bi cứu vớt tất cả chúng sinh, khiến họ được Phật đạo, vượt khỏi bờ sinh tử, dùng đủ loại pháp vị công đức của Phật làm cho họ no đủ, tất cả Phật pháp nguyện cầu đều chứng được, nghe, đọc, tụng, thọ trì, thưa hỏi, quan sát, thực hành, chứng quả làm bậc thang, lập thệ chính yếu, mặc áo giáp ba nguyện, ngoài diệt các ma, trong cột giặc kết sử, vào thẳng không trở lại, ba nguyện như vậy so với vô lượng các nguyện, nguyện đều được trụ vào chúng vì cứu độ chúng sinh được Phật đạo. Suy nghĩ như vậy, nguyện như vậy là pháp niệm Phật Tam-muội của Bồ-tát.

Người hành đạo Bồ-tát, đối với ba độc nếu dâm dục nhiều thì trước tiên tự xem xét thân mình có tám tướng và ba mươi sáu thứ bất tịnh như: xương, thịt, da, da ngoài, gân, mạch máu, máu, gan, phổi, ruột, dạ dày, phân, nước tiểu, nước mũi, nước miếng; chú tâm nhập quán, không theo niệm khác. Nếu niệm theo các duyên bên ngoài thì thân giữ trở lại. Như người cầm ngọn đuốc vào kho ngũ cốc, phân biệt từng loại đậu, lúa mì lúa gạo, bắp ngô đều biết rõ ràng. Lại nữa, quán sáu phần của thân. Cứng là phần đất, ướt là phần nước, nóng là phần lửa, động là phần gió, lỗ hổng là phần không, nhận biết là phần thức; cũng như mổ bò làm thành sáu phần: thân, đầu, bốn chân... mỗi thứ khác nhau. Thân có chín lỗ thường chảy ra thứ bất tịnh, là cái túi da đựng nước dãi, thường nên quán như vậy, không khởi niệm khác. Nếu niệm theo các duyên bên ngoài thì thân giữ trở lại. Nếu được nhất tâm, ý sinh nhằm chán, lo sợ thì cầu xa lìa thân này, muốn mau diệt độ, sớm nhập Niết-bàn. Khi ấy, phải phát tâm đại Từ, đại Bi, dùng công đức lớn cứu độ chúng sinh, hưng khởi ba nguyện trước. Vì chúng sinh không nhận biết, không thanh tịnh nên tạo tác tội cấu. Con sẽ dẫn dắt vào quả vị giải thoát.

Lại nữa, chúng sinh cõi Dục ham thích bất tịnh như chó ăn phân. Con sẽ độ thoát họ đưa đến đạo thanh tịnh. Lại nữa, con sẽ cầu học tướng thật của pháp: không thường, không vô thường, chẳng tịnh, chẳng bất tịnh. Cố sao con phải đắm vào sự bất tịnh này? Trí quán bất tịnh từ nhân duyên sinh. Như pháp này của con là phải cầu tướng thật.

Làm sao nhằm chán, lo sợ sự bất tịnh trong thân mà chứng được Niết-bàn?

Phải như voi lớn vượt qua dòng nước chảy xiết, đến tận cùng nguồn cội, được tướng pháp thật, diệt độ nhập Niết-bàn. Lẽ nào như loài khỉ, thỏ khiếp sợ dòng nước chảy mạnh, nên chỉ tự độ mình. Nay con sẽ học theo pháp của Bồ-tát, thực hành pháp quán bất tịnh, trừ bỏ dâm dục, giáo hóa khắp chúng sinh làm cho xa lìa khổ hoạn dục, không thực hành quán bất tịnh thì bị nhằm chán, chìm đắm.

Lại nữa, đã quán bất tịnh thì nhằm chán sinh tử, phải quán pháp môn thanh tịnh,

chú tâm vào ba chỗ: Chóp mũi, giữa hai lông mày và trên trán, nên ở trong pháp môn ấy lấy ra một tấc da, bỏ hết máu thịt, chú tâm vào xương trắng, không khởi niệm khác. Nếu niệm theo các duyên bên ngoài thì thâm giữ trở lại. Chấp vào trong ba duyên thường cùng tâm chống đối như hai người đánh nhau. Nếu hành giả thắng tâm thì không bằng chế ngự nó an trụ. Đó gọi là nhất tâm.

Nếu vì nhàm chán, lo sợ mà phát khởi tâm đại Bi thương nhớ đến chúng sinh, vì chỗ xương rỗng không này mà xa lìa Niết-bàn, rơi vào ba đường ác thì con sẽ dùng hết sức lực làm các công đức giáo hóa chúng sinh khiến cho hiểu được tướng của thân là không, xương nhờ da bao bọc, tích tụ sự bất tịnh tạo thành chúng sinh. Từ từ sẽ phân biệt tướng của các pháp ấy, có tướng ít bất tịnh thì chúng sinh tham chấp, tướng nhiều bất tịnh thì sinh nhàm chán, lo sợ, có xuất ra tướng của pháp cho nên sinh ra pháp thật. Trong tướng thật của các pháp chẳng tịnh, chẳng bất tịnh, cũng chẳng che đậy, cũng không xuất quán về các pháp, không thể hủy hoại, không thể lay động. Đó gọi là tướng thật của các pháp.

Người hành đạo Bồ-tát, nếu nhiều sân hận thì phải thực hành tâm từ, nhớ nghĩ đến chúng sinh ở phương Đông. Tâm từ thanh tịnh không oán ghét, không sân giận, rộng lớn vô lượng, thấy các chúng sinh đều ở trước mặt. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, trên, dưới cũng như vậy. Chế phục tâm, thực hành tâm từ không khởi niệm khác. Nếu niệm theo các duyên khác thì thâm giữ trở lại, giữ tâm vào đề mục, quan sát tất cả chúng sinh đều thấy rõ ràng ở trước mặt. Nếu được nhất tâm thì nên phát lời nguyện: “Con vì pháp thanh tịnh, thật Niết-bàn, độ thoát chúng sinh khiến được niềm vui chân thật mà tu hành Tam-muội Từ.” Tâm như vậy là đạo của Bồ-tát. Trụ vào Tam-muội Từ để quán tướng thật của các pháp là thanh tịnh, chẳng hủy hoại, chẳng lay động, nguyện cho tất cả chúng sinh đều được pháp lợi ích này. Dùng Tam-muội Từ này nhớ nghĩ đến tất cả chúng sinh ở phương Đông khiến được mọi an lạc của Phật. Mười phương cũng như thế, tâm không loạn động. Đây là pháp môn Tam-muội Từ của Bồ-tát.

Hỏi:

–Tại sao không cùng một lúc nhớ nghĩ hết tất cả chúng sinh ở khắp mười phương?

Đáp:

–Trước hết chỉ nhớ nghĩ đến một phương thì dễ được nhất tâm, sau đó lần lượt tới khắp cả mười phương.

Hỏi:

–Người có kẻ thù hẳn luôn muốn hại nhau làm sao thực hành Từ muốn làm cho người kia được an lạc?

Đáp:

–Từ là pháp của tâm, phát sinh ra từ tâm. Trước từ những người thân, người thân chuyển tăng dần cho đến kẻ oán thù. Như lửa đốt củi cháy mạnh có thể đốt cả những vật ẩm ướt.

Hỏi:

–Nếu khi chúng sinh gặp đủ thứ khổ sở hoặc ở trong loài người, hoặc ở địa ngục, tuy Bồ-tát thương xót những người kia làm thế nào được an lạc?

Đáp:

–Trước tiên, từ sự an lạc, người kia nắm bắt tướng an lạc của Bồ-tát khiến cho người khổ đó được an lạc như Bồ-tát. Như quân bại trận, tướng sẽ lo sợ mất mạng, nhưng xem xét quân địch kia thì đều cho là dũng sĩ.

Hỏi:

–Thực hành Tam-muội Từ có lợi ích gì?

Đáp:

–Hành giả tự suy nghĩ: Xuất gia lìa tục nên thực hành tâm Từ. Lại suy nghĩ: Thọ dụng của tín thí nên làm lợi ích như lời Đức Phật đã dạy. Luôn luôn thực hành Từ là theo lời dạy của Phật, tức là vào đạo không chỉ là nhận không của tín thí. Lại nữa, thân mặc y phục nhưng tâm không được đắm nhiễm, năng lực của Từ có thể khiến không bị đắm nhiễm. Lại nữa, tâm con thực hành Từ ở trong đời pháp bị phá hủy, con là người có pháp trong những người không có pháp, con là người có pháp, biết pháp chẳng phiền não nhờ diệu lực nơi định của Từ. Bồ-tát thực hành đạo hướng đến cửa giải thoát. Vô số thứ nóng bức khổ não thì Từ đem lại mát mẻ, an lạc. Như lời Phật dạy: Người bị nóng nực nên vào ao nước mát mẻ thì được an lạc. Lại nữa, mặc áo giáp đại Từ ngăn chặn được mũi tên phiền não. Từ là thuốc pháp tiêu trừ độc oán kết. Từ có thể trừ diệt phiền não thiêu đốt tâm. Từ là bậc thang pháp bước lên đài giải thoát. Từ là thuyền pháp vượt qua biển sinh tử. Cầu đạt tài pháp thiện thì Từ là cửa báu bậc nhất. Từ là lương thực của đạo để đi đến Niết-bàn. Từ là bước chân vững chãi đi vào Niết-bàn. Từ là vị tướng giỏi vượt qua ba đường ác. Người có thể thực hành Từ thì tiêu trừ các việc ác, được chư Thiên, thiện thần luôn theo ủng hộ.

Hỏi:

–Nếu người đang thực hành Tam-muội Từ, cơ sao không mất bớt mà lại tăng trưởng lợi ích?

Đáp:

–Học giới thanh tịnh, niềm tin trọn vẹn dựa vào an lạc, học tập các thiền định, nhất tâm, trí tuệ, thích ở nơi thanh vắng, thường không buông lung, ít muốn biết đủ, hành theo lời Từ, kiểm chế thân, ít ăn uống, giảm bớt ngủ nghỉ; đầu đêm, cuối đêm tư duy không dứt, lời nói dè dặt, giữ gìn yên lặng; đi, đứng, nằm, ngồi đúng lúc, không làm mất đi, vượt qua mọi khổ cực mệt nhọc, tạo điều hòa lạnh nóng không khiến cho não loạn. Đây gọi là lợi ích của Từ. Lại nữa, đem niềm an lạc của Niết-bàn, an lạc của Phật đạo cho tất cả mọi người gọi là đại Từ. Hành giả tư duy: “Hiện tại, vị lai những bậc Đại nhân thực hành tất cả lợi ích của Từ. Con cũng mong muốn là vị thần tốt của con. Con sẽ thực hành Từ để báo đáp ân thí chủ một cách đầy đủ.” Lại suy nghĩ: “Tâm Từ, đức lớn thương nhớ đến tất cả chúng sinh, dùng đầy làm niềm vui. Đó là báo ân. Lại nữa, diệu lực của Từ có thể khiến cho tất cả tâm chúng sinh được vui mừng, thân xa lìa nóng bức được niềm vui trong lành, hành trì phước Từ, nhớ nghĩ đến an lạc cho tất cả chúng sinh để báo đáp ân ấy. Lại nữa, Từ có lợi ích đoạn trừ pháp sân hận, mở bày pháp môn khen ngợi. Thí chủ làm ruộng tốt là nhân sinh lên cõi Phạm thiên, trụ vào cõi ly dục, trừ bỏ các oán đối và gốc của mọi chướng trái, được chư Phật khen ngợi, bậc trí kính yêu, có thể giữ giới thanh tịnh, phát sinh ánh sáng trí tuệ, có thể nghe về lợi ích của pháp, công đức giải thoát, khẳng định là nhân tốt, nguyện lực xuất gia mạnh mẽ, tiêu trừ các ác, Từ có thể hàng phục sự nhục mạ, bất thiện, chứa nhóm niềm vui, phát sinh pháp tinh tấn, là nguồn gốc của giàu sang, phân biệt ngôi nhà trí tuệ, kho tàng thành tín, cửa các pháp thiện, chí thành khen ngợi pháp, cung kính đạo chân chánh căn bản của Phật. Nếu người làm ác, trở lại tự mình nhận chịu các tai ương đó. Năm loại lời ác là lời nói không đúng thời, lời không chân thật, lời chẳng lợi ích, lời chẳng từ, lời chẳng dịu dàng. Năm lời ác này không thể làm điên đảo, tất cả các độc hại cũng không thể làm thương tổn. Ví như

ngọn lửa nhỏ không thể đốt nóng biển cả.

Như trong kinh Tỳ-la, vua nước Vu Điền tên A-bà-đà-na nói: “Có hai người chồng, một tên Vô Tỷ, hai tên Xá-mê-bà-đế. Vô Tỷ chê bai Xá-mê-bà-đế vì Xá-mê-bà-đế có năm trăm người hầu. Vua dùng năm trăm mũi tên muốn lần lượt bắn chết họ. Xá-mê-bà-đế bảo các người hầu đứng sau ông ta. Khi ấy, Xá-mê-bà-đế nhập vào Tam-muội Từ. Vua giương cung bắn ông nhưng mũi tên rơi xuống dưới chân, mũi tên thứ hai trở lại dưới chân vua. Nhà vua vô cùng kinh ngạc, lại muốn bắn mũi tên tiếp. Xá-mê-bà-đế nói với vua: “Xin hãy dừng lại, nghĩa vợ chồng là nói với nhau thôi. Nếu ông phóng mũi tên này thì nó sẽ đi thẳng vào tim ông.” Khi ấy, nhà vua hoảng sợ, buông cung, ngừng bắn và hỏi:

–Ông có phép thuật gì?

Đáp:

–Tôi không có phép thuật gì khác. Tôi là đệ tử Đức Phật, nhập vào Tam-muội Từ. Đây là Tam-muội Từ lược nói có ba loại duyên: Sinh duyên, pháp duyên và vô duyên. Những người chưa đắc đạo gọi là sinh duyên. A-la-hán, Bích-chi-phật gọi là pháp duyên. Chư Phật Thế Tôn gọi là vô duyên. Cho nên lược nói pháp môn Tam-muội Từ.

Người hành đạo Bồ-tát ở trong ba độc nếu nhiều ngu si thì nên quán mười hai phần để diệt trừ hai loại ngu si. Bên trong diệt trừ ngu si của thân, bên ngoài diệt trừ ngu si của chúng sinh. Tư duy rằng: Con và chúng sinh đều ở trong nguy nạn, thường bị sinh, già, bệnh, chết diệt xuất hiện. Chúng sinh thật đáng thương, không biết đạo xuất thế từ đâu để giải thoát? Hết lòng suy nghĩ: sinh, già, bệnh, chết từ nhân duyên sinh. Lại nên suy nghĩ: Sinh duyên nơi gì? Hết lòng suy nghĩ: Sinh duyên nơi hữu, hữu duyên nơi thủ, thủ duyên nơi ái, ái duyên nơi thọ, thọ duyên nơi xúc, xúc duyên nơi lục nhập, lục nhập duyên nơi danh sắc, danh sắc duyên nơi thức, thức duyên nơi hành, hành duyên nơi vô minh. Như vậy, lại suy nghĩ: Phải nhờ nhân duyên gì để diệt sinh, già, chết? Hết lòng suy nghĩ: Sinh diệt nên lão tử diệt, hữu diệt nên sinh diệt, thủ diệt nên hữu diệt, ái diệt nên thủ diệt, thọ diệt nên ái diệt, xúc diệt nên thọ diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, hành diệt nên thức diệt, vô minh diệt nên hành diệt.

Mười hai phần trong đấy như thế nào?

Vô minh phần là không biết trước, không biết sau, không biết cả trước lẫn sau, không biết trong, không biết ngoài, không biết cả trong lẫn ngoài, không biết Phật, không biết Pháp, không biết Tăng; không biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không biết nghiệp, không biết quả, không biết cả nghiệp lẫn quả, không biết nhân, không biết duyên, không biết cả nhân lẫn duyên, không biết tội, không biết phước, không biết cả phước lẫn tội, không biết thiện, không biết bất thiện, không biết cả thiện lẫn bất thiện, không biết pháp tội, không biết pháp chướng tội, không biết pháp nên gần gũi, không biết pháp nên xa lìa, không biết pháp hữu lậu, không nhận biết pháp vô lậu, không nhận biết pháp thế gian, không nhận biết pháp xuất thế gian, không nhận biết pháp quá khứ, không nhận biết pháp vị lai, không nhận biết pháp hiện tại, không nhận biết pháp đen, không nhận biết pháp trắng, không nhận biết pháp phân biệt nhân duyên, không nhận biết pháp sáu xúc, không nhận biết pháp thật chứng, những thứ không nhận biết, không trí tuệ, không nhận thấy tám tối, không rõ ràng, đó gọi là vô minh. Vô minh duyên nơi hành.

Sao gọi là hành?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Hành có ba loại: Thân hành, khẩu hành và ý hành.

–Thân hành là thế nào? Hơi thở ra, hơi hít vào là pháp thân hành. Vì sao? Vì pháp này thuộc về thân nên gọi là thân hành.

–Khẩu hành là thế nào? Có nhận biết, có quan sát, khởi lên sự giác quán rồi sau đó miệng mới nói. Nếu không có giác quán thì không có lời nói. Đây gọi là khẩu hành.

–Ý hành là thế nào? Thọ, tưởng là pháp của ý, lệ thuộc vào ý. Đây gọi là ý hành.

Lại nữa, cõi Dục thuộc về hành, cõi Sắc thuộc về hành, cõi Vô sắc cũng thuộc về hành. Lại nữa, thiện là hành, bất thiện là hành và không lay động cũng là hành.

Thế nào thiện là hành? Tất cả thiện của cõi Dục là hành, cũng là ba địa của cõi Sắc.

Thế nào bất thiện là hành? Là các pháp bất thiện.

Thế nào không lay động là hành? Thiên thứ tư có thiện hữu lậu là hành và định vô sắc thiện hữu lậu là hành. Đó gọi là hành. Hành duyên nơi thức.

Thế nào gọi là thức? Sáu loại thức giới là nhãn thức cho đến ý thức, đó gọi là sáu thức. Thức duyên nơi danh sắc.

Thế nào gọi là danh? Bốn phần vô sắc là thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là danh.

Thế nào gọi là sắc? Tất cả các sắc, bốn đại và sắc được tạo ra, đó gọi là sắc.

Thế nào là bốn đại? Đó là đất, nước, lửa, gió. Đất là gì? Tướng cứng, nặng là đất. Tướng mềm, ướt là nước. Tướng nóng là lửa. Tướng lay động là gió. Các sắc còn lại đều có thể nhận thấy. Có chướng ngại, không chướng ngại, đó gọi là sắc được tạo ra. Danh và sắc hòa hợp gọi là danh sắc. Danh sắc duyên nơi lục nhập.

Thế nào là lục nhập? Sáu nhập bên trong là nhãn nhập cho đến ý nhập, đó gọi là lục nhập. Lục nhập duyên nơi xúc.

Thế nào là xúc? Sáu loại xúc giới là nhãn xúc cho đến ý xúc.

Thế nào là nhãn xúc? Mắt duyên sắc sinh ra nhãn thức. Ba pháp hòa hợp gọi là nhãn xúc, cho đến ý xúc cũng như vậy. Xúc duyên nơi thọ.

Thế nào là thọ? Ba loại thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất lạc bất khổ thọ.

Thế nào là lạc thọ? Là ái đưa đến.

Thế nào là khổ thọ? Là sân đưa đến.

Thế nào là bất lạc bất khổ thọ? Là si đưa đến. Lại nữa, lạc thọ là sinh ra lạc, lạc có mặt thì có diệt được khổ. Khổ thọ là sinh ra khổ, khổ có mặt thì diệt mất lạc. Bất lạc bất khổ thọ là không nhận biết khổ, không nhận biết lạc. Thọ duyên nơi ái.

Thế nào là ái? Mắt tiếp xúc với sắc sinh ra ái, cho đến ý tiếp xúc với pháp sinh ra ái. Ái duyên nơi thủ.

Thế nào là thủ? Đó là dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã ngữ thủ. Thủ duyên nơi hữu.

Thế nào là hữu? Có ba loại hữu là Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu, dưới từ A-tỳ-đại-nê-lê, trên đến trời Tha hóa tự tại, đó là dục hữu và năng lực tạo nghiệp của chúng.

Thế nào là Sắc hữu? Dưới từ cõi Phạm Thế, trên đến cõi A-ca-ni-trá, đó là Sắc hữu.

Thế nào là Vô sắc hữu? Từ hư không cho đến cõi Phi hữu tướng, phi vô tướng, đó là Vô sắc hữu. Hữu duyên nơi sinh.

Thế nào là sinh? Muôn loài chúng sinh sinh ra khắp nơi có thọ, ấm, được giữ gìn, được nhập vào và được thọ mạng, đó gọi là sinh. Sinh duyên nơi già, chết.

Thế nào là già? Răng rụng, tóc bạc, da nhăn, các căn suy kém, hơi thở yếu dần, lưng còng chống gậy bước đi, thân năm ấm suy yếu, đó gọi là già.

Thế nào là chết? Tất cả chúng sinh khắp nơi rơi rụng, tiêu diệt, chết mất, thọ mạng hết, đó gọi là chết. Trước già sau chết gọi là già chết.

Mười hai nhân duyên trong đây, tất cả thế gian chẳng phải ngoài không nhân duyên, chẳng phải ngoài trời, chẳng phải ngoài người, chẳng phải ngoài đủ loại nhân duyên sai lệch sinh ra. Bồ-tát quán xét mười hai nhân duyên, chú tâm không loạn động, không khởi niệm khác. Nếu niệm theo các duyên khác thì thân giữ trở lại. Quán mười hai phần sinh trong ba đời: Đời trước, đời này và đời sau. Nếu Bồ-tát được trụ tâm thì nên quán mười hai phần là không, không có chủ thể, ngu si nên không nhận biết ngã tạo hành, hành không nhận biết ngã từ si mà có, chỉ vì duyên vô minh nên hành sinh. Như giống cỏ cây từ hạt, mầm mọc lên. Hạt cũng không biết mình nảy ra mầm, mầm cũng không biết mình từ hạt mọc ra. Cho đến già, chết cũng như vậy.

Trong mười hai phần này, mỗi mỗi quán biết chúng không có chủ, không có ngã. Như cỏ cây bên ngoài không có chủ thể, chỉ từ điên đảo thấy có ngã và ngã sở.

Hỏi:

–Nếu không có ngã và ngã sở, không có chủ thể, không có đối tượng tạo tác thì tại sao nói quá khứ, vị lai, chết đây sinh kia?

Đáp:

–Tuy không có ngã, ngã sở nhưng trong sáu tình làm nhân, sáu trần làm duyên sinh ra sáu thức, ba việc này hòa hợp nên tiếp xúc với pháp sinh ra nhớ nghĩ, nhận biết về các nghiệp. Do đó, nói quá khứ, vị lai từ đây có sinh tử. Ví như mặt trời thích ngọc báu. Nhờ mặt trời mà phân bò khô hòa hợp các phương tiện phát ra lửa.

Năm ấm cũng vậy, năm ấm này sinh ra năm ấm đời sau nhưng chẳng phải năm ấm này hưởng đến đời sau, cũng không lia này mà được năm ấm đời sau. Năm ấm chỉ từ nhân duyên sinh ra. Ví như mầm sinh ra từ hạt lúa. Hạt lúa này chẳng phải là mầm cũng chẳng phải ngoài mầm khác sinh ra, chẳng khác nhưng chẳng phải một, được thân đời sau cũng như vậy. Ví như cây chưa có cành, đốt, nhánh, lá, hoa, quả, đúng thời tiết, nhân duyên thì hoa lá đều đầy đủ. Hành báo của thiện ác cũng như vậy. Hạt giống bị hoại nên chẳng phải thường, chẳng phải một. Mầm, cành, lá... được sinh ra nên không đoạn, không khác. Sinh tử liên tục cũng như vậy.

Hành giả cho rằng pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, tự sinh, tự diệt, nhận biết do ái mà các pháp có mặt, nhận biết do diệt mà biến mất, nhận biết tận là đạo, dùng bốn loại trí, nhận biết mười hai phần là đạo chánh kiến. Chúng sinh bị trói buộc, chắp vào chỗ hư dối. Bấy giờ, Bồ-tát phát tâm đại Bi: Ta sẽ làm Phật, dùng đạo chánh chân để giáo hóa những chúng sinh kia khiến cho thấy được chánh đạo.

Hỏi:

–Như trong Ma-ha-diễn Bát-nhã-ba-la-mật-đa nêu: “Các pháp không sinh, không diệt, là không, không thật có, nhất tướng, vô tướng. Đó gọi là chánh kiến.” Tại sao nói những pháp quán về vô thường... gọi là chánh kiến?

Đáp:

–Nếu trong Ma-ha-diễn nêu các pháp là không, vô tướng thì cơ sao nói vô thường, khổ, không, không thật...? Nếu nói không sinh, không diệt, không là tướng thật thì không nên nói vô tướng. Ông nói trước sau không tương ứng. Lại nữa, Đức Phật dạy bốn thứ điên đảo, thường điên đảo, ở trong vô thường cho là thường là điên đảo cũng có lý. Tất cả các pháp hữu vi là vô thường. Vì sao? Vì do duyên sinh. Nhân vô thường, duyên vô thường, đã được quả sinh ra sao là thường? Trước không nay có, có

rồi lại không, tất cả chúng sinh đều thấy là vô thường. Bên trong có già, bệnh, chết, bên ngoài thấy vạn vật rơi rụng tan rã. Vì thế nên gọi là vô thường, không thật.

Hỏi:

–Tôi không nói có thường là thật, vô thường là không thật. Vì sao? Vì Đức Phật đã dạy: Trong không có thường, vô thường cả hai việc đều không thể nắm bắt. Nếu chấp vào hai việc này thì đều là điên đảo.

Đáp:

–Ông nói không cùng với pháp tương ứng. Vì sao? Vì nói không có pháp cố sao lại nói cả hai đều điên đảo? Tất cả không, không thật có là thật, không điên đảo. Nếu ta phá thường mà chấp vào vô thường thì pháp của ta nên phá chứ không phải thật ta, phá điên đảo về thường nên quán vô thường. Vì sao? Vì năng lực của vô thường có thể phá thường. Như độc có thể phá độc khác. Như thuốc trị bệnh, thuốc cũng phải bỏ đi, nên biết thuốc tốt có thể trị bệnh nhưng khi bệnh lành rồi, nếu không bỏ thuốc, sau đó thuốc chính là bệnh. Ở đây cũng vậy, nếu chấp pháp vô thường phải nên phá vì không thật. Ta không thọ nhận pháp vô thường làm sao phá?

Phật dạy:

Khổ là nói thật khổ trong bốn Đế. Ai có thể làm cho an lạc? Nhân của khổ là nhân thật. Ai có thể làm cho chẳng phải nhân? Khổ hết là thật hết. Ai có thể làm cho không hết? Diệt đạo là đạo thật. Ai có thể làm cho chẳng phải đạo? Như mặt trời, ai có thể làm cho lạnh đi? Ai có thể làm cho mặt trăng nóng lên? Gió có thể không lay động? Bốn Đế này hoàn toàn không thể chuyển đổi. Ông đối với Ma-ha-diễn không thể hiểu được, chỉ chấp vào tiếng nói thôi. Thật tướng của các pháp trong Ma-ha-diễn là tướng thật. Tướng thật thì không thể phá, không có người tạo tác. Nếu có thể phá hủy, có thể tạo tác thì đây chẳng phải là Ma-ha-diễn. Như trăng mới mọc một đêm, hai đêm, khi nó mọc rất nhỏ, người mắt sáng có thể nhìn thấy, dùng tay chỉ cho người không thấy. Người không thấy này chỉ nhìn thấy ngón tay của người kia mà lầm là trăng. Người mắt sáng nói: Kẻ ngu này tại sao chỉ nhìn ngón tay của ta. Ngón tay là duyên của trăng, ngón tay chẳng phải là mặt trăng kia. Ông cũng như vậy, tiếng nói chẳng phải là tướng thật, chỉ là tiếng giả biểu thị lý thật. Ông càng chấp vào tiếng nói thì càng mê lầm nơi tướng thật.

Nếu hành giả đạt được chánh tri kiến như vậy thì quan sát mười hai phần hòa hợp là hai phần nhân quả. Khi mười hai phần theo quả là Khổ đế, mười hai phần theo nhân là Tập đế, khi nhân diệt là Diệt đế, thấy được nhân quả diệt tận là Đạo đế. Bốn loại quán về quả là vô thường, khổ, không, vô ngã. Bốn loại quán về nhân là tập, nhân, duyên, sinh.

Hỏi:

–Quả có bốn loại sao chỉ gọi khổ đế, còn những thứ khác không có tên đế sao?

Đáp:

–Nếu nói vô thường là đế lại nghi ngờ, khổ đế cũng nghi ngờ, vô ngã là đế cũng nghi ngờ. Đây là một loại nạn xứ. Lại nữa, nếu nói vô thường là đế, không lỗi lầm thì không, vô ngã là đế cũng không lỗi lầm. Nếu vô thường, khổ, không, vô ngã là đế thì chỗ nêu lên là trùng lặp. Cho nên, đối với bốn nói một.

Hỏi:

–Khổ có tướng gì khác hay ở trong ba chỉ được nêu tên gọi?

Đáp:

–Khổ là sự chán, lo của tất cả chúng sinh, sự sợ hãi của chúng sinh. Vô thường không như vậy. Nếu có người bị khổ bức bách thì suy nghĩ được về vô thường. Không có người muốn bị khổ.

Hỏi:

–Có người muốn cầm dao tự giết, kim châm, lửa đốt, thuốc đắng, vào nơi giặc giã, những việc như vậy có phải là cầu khổ không?

Đáp:

–Chẳng phải là muốn bị khổ, muốn được niềm vui lớn mà sợ khổ nên chấp nhận cái chết. Khổ là nạn thứ nhất. Lạc là lợi bậc nhất. Vì thế, nên xa lìa khổ thật thì được an lạc. Cho nên, Đức Phật chỉ dùng phần quả gọi là khổ đế, chẳng phải vô thường, không, vô ngã là đế. Ở trong bốn đế này hiểu rõ về trí tuệ chân thật, không nghi ngờ, không hối tiếc, đó gọi là chánh kiến. Suy nghĩ về những việc này thì tăng trưởng lợi ích, đó gọi là chánh giác. Trừ diệt tà mạng, thu giữ bốn loại tà ngữ, xa lìa bốn loại tà ngữ khác, thu giữ bốn loại chánh ngữ, trừ bỏ tà mạng, thu giữ ba loại nghiệp, trừ diệt ba loại tà nghiệp khác gọi là chánh nghiệp. Xa lìa những thứ tà mạng, đó gọi là chánh mạng.

Khi quán như vậy mà tinh tấn là chánh phương tiện. Nhớ nghĩ việc này không tán loạn gọi là chánh niệm. Suy nghĩ về việc này không lay động gọi là chánh định. Chánh giác như vua, có bảy việc luôn theo, gọi là đạo đế. Dốc lòng siêng năng cầu đạo gọi là tinh tấn căn. Dốc lòng nhớ nghĩ không quên mất gọi là niệm căn. Tâm an trụ một chỗ, không giống ruồi, tán loạn gọi là định căn. Suy nghĩ, phân biệt biết về những việc vô thường... gọi là tuệ căn. Những căn này được tăng trưởng về sức lực gọi là năm Lực.

Hỏi:

–Trong tám Chánh đạo đều đã nêu về tuệ, niệm, định... Tại sao trong căn, lực lại còn nêu?

Đáp:

–Lúc nhập theo hành, ban đầu được lợi ích nhỏ, lúc ấy gọi là căn. Năm việc này tăng trưởng đạt được năng lực, gọi là lực. Ban đầu nhập trung đạo của kiến đế vô lậu, công đức này gọi là tám Chánh đạo. Khi đi vào tư duy về đạo gọi là bảy Giác ý. Ban đầu nhập trung đạo quán niệm về thân, thọ, tâm, pháp, thường dốc lòng nhớ nghĩ, đó gọi là bốn Niệm chỉ. Như vậy đạt được bốn loại tinh tấn của pháp vị thiện, đó gọi là bốn Chánh căn. Như thế, pháp môn ban đầu là dục, tinh tấn, định, tuệ, ân cần tinh tấn cầu tự tại như ý, đó gọi là bốn Thần túc. Tuy gọi là bốn Niệm chỉ, bốn Chánh căn, bốn Thần túc, năm Căn... nhưng đều tùy theo hành ban đầu, lúc sau, nhiều, ít, hành duyên theo từng bậc, mỗi mỗi đều được đặt tên. Ví như bốn đại, mỗi mỗi thứ đều có đủ bốn đại, chỉ đại nào nhiều thì đặt tên đó. Nếu địa chủng nhiều, thủy, hỏa, phong ít thì gọi là địa đại. Thủy, hỏa, phong cũng như vậy. Như trong ba mươi bảy phẩm này, mỗi mỗi đều có đủ các phẩm khác. Như trong bốn Niệm chỉ đều có bốn Chánh căn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Đạo...

Như vậy, quan sát mười hai phần, bốn Đế, thực hành bốn Niệm chỉ, bốn Chánh căn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Chánh đạo thì tâm hành giả được an lạc. Lại dùng pháp này độ thoát chúng sinh. Dốc lòng thệ nguyện tinh tấn cầu Phật. Lúc ấy trong tâm tư duy quán niệm: “Con hiểu rõ, quán biết đạo này không nên thủ chứng.” Có hai việc cần thiết nên chưa thể nhập Niết-bàn:

1. Đại Bi, không lìa bỏ chúng sinh.
2. Biết rõ tướng thật của các pháp.

Các tâm, những pháp của tâm đều từ nhân duyên sinh ra. Nay ta làm sao tùy theo pháp không thật này được, phải tự suy nghĩ nhằm hội nhập vào, quán kỹ mười hai nhân duyên, nhận biết nhân duyên là pháp gì? Lại càng suy nghĩ: Bốn loại duyên này là: Nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên. Năm nhân làm nhân duyên, trừ tâm sau cùng của A-la-hán trong quá khứ, hiện tại, tâm tâm sở pháp của quá khứ, hiện tại; thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên này đều duyên nơi tất cả pháp. Lại tự suy nghĩ: Nếu nói pháp có trong nhân duyên trước thì không nên nói pháp này từ nhân duyên sinh. Nếu không có cũng không nên nói trong nhân duyên sinh ra nửa có nửa không, cũng không nên nói nhân duyên sinh thì làm sao có nhân duyên.

Nếu pháp chưa sinh, nếu tâm tâm sở pháp của quá khứ bị mất đi thì làm sao có thể tạo thứ đệ duyên? Nếu diệt pháp trong Phật pháp không có duyên thì Như Lai làm sao là duyên duyên? Nếu các pháp thật không có tánh thì có pháp cũng không thể nắm bắt. Nếu nhân duyên từ nơi quả ra, do đây có kia thì đây nói không như vậy. Nếu mỗi mỗi sai khác trong nhân duyên, nếu hòa hợp một chỗ thì quả này không thể được.

Làm sao ngoài nhân duyên sinh ra quả, trong nhân duyên không có quả? Nếu trong nhân duyên trước không có quả mà sinh ra thì tại sao ngoài nhân duyên sinh ra quả? Cả hai đều không. Quả thuộc về nhân duyên mà cũng ngoài nhân duyên sinh. Nhân duyên này không tự tại thuộc nhân sinh. Quả này thuộc nhân duyên khác cố sao không tự tại? Nhân duyên có thể sinh quả. Cho nên, quả không từ nhân duyên mà có, cũng không từ chẳng phải nhân duyên mà có, tức chẳng phải quả. Quả không có nên duyên và phi duyên cũng không có.

Hỏi:

–Đức Phật dạy: Mười hai nhân duyên thì vô minh duyên nơi các hành. Cố sao ông nói không có nhân quả?

Đáp:

–Trước đã trả lời đầy đủ, không nên vấn nạn lần nữa, nếu vấn nạn lại thì phải trả lời lại. Đức Phật dạy: Mắt nhân nơi sắc, duyên với ngu si bên ngoài sinh ra nhớ nghĩ sai lệch thì si là vô minh. Trong đó, vô minh nương tựa vào đầu mà tồn tại. Nương tựa vào mắt chẳng, trong sắc chẳng, thức chẳng? Không nên nương tựa vào mắt mà tồn tại. Nếu nương tựa vào mắt mà tồn tại thì không nên đối đãi với sắc, thường thích ứng với si. Nếu nương tựa vào mắt mà tồn tại thì không nên đối đãi với mắt tức là ngoài si ra cái gì can dự vào việc của ta. Nếu nương tựa vào thức mà tồn tại thì thức không có sắc, không chướng ngại, không tiếp xúc, không phân chia, không nơi chốn.

Vô minh cũng vậy, làm thế nào có thể tồn tại? Cho nên, vô minh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải chặng giữa, không đến từ đời trước, cũng không sang đời sau, chẳng phải từ phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng, trên, dưới đến, không có pháp thật. Tánh vô minh cũng thế, hiểu được tánh vô minh thì biến đổi được vô minh. Mỗi mỗi suy xét nó vì si không thể nắm bắt. Vô minh duyên nơi hành là thế nào? Như hư không không sinh, không diệt, không có, không mất, bản tánh thì thanh tịnh. Vô minh cũng như vậy, không sinh, không diệt, không có, không mất, bản tánh thanh tịnh. Cho đến, sinh duyên nơi lão, tử cũng vậy. Bồ-tát quán xét mười hai nhân duyên như vậy, nhận biết chúng sinh hư dối, bị lệ thuộc vào nạn khổ nên có thể hóa độ. Nếu các pháp có tướng thật thì khó có thể độ được. Suy nghĩ như vậy thì diệt trừ ngu si. Nếu tâm Bồ-tát nhiều hiểu biết, suy nghĩ thì thường nhớ nghĩ đến A-na-la-na, khi hít vào, thở ra đếm một cho đến mười. Mỗi mỗi tâm không làm cho giống ruồi, tán loạn. Bồ-tát từ pháp

môn này đạt được nhất tâm, diệt trừ dục hành của năm thứ ngăn che.

Bồ-tát thấy đạo nên thực hành ba loại nhẫn: Pháp Sinh nhẫn, Nhu thuận pháp nhẫn, Vô sinh nhẫn. Sinh nhẫn là như thế nào? Tất cả chúng sinh hoặc chửi, hoặc đánh, hoặc giết, tạo đủ thứ việc ác mà tâm không lay động, không sân, không hận, không chỉ nhẫn nhục mà còn thể hiện Từ bi. Những chúng sinh này cầu các điều tốt đẹp, nguyện được tất cả, tâm của người nhẫn không xả bỏ họ. Bấy giờ, dần dần hiểu được tướng thật của các pháp, như hơi thở hiện rõ. Ví như mẹ hiền thương yêu con đỏ của mình, cho bú mớm, nuôi dưỡng dạy dỗ, đủ thứ không sạch mà không cho là dơ bẩn, nhờ thương gặp tội, muốn làm cho con được an lạc. Hành giả cũng vậy, tất cả chúng sinh đủ thứ xấu ác, tịnh, bất tịnh, tâm không tăng thêm ghét bỏ, không thoái lui, không lay chuyển.

Lại nữa, vô lượng chúng sinh ở khắp mười phương, một mình con phải nên độ tất cả, khiến cho họ đạt được Phật đạo. Tâm nhẫn nhục không thoái lui, không hối tiếc, không từ bỏ, không biếng nhác, không nhàm chán, không lo sợ, không thấy khó khăn. Ở trong sinh nhẫn này, nhất tâm chú niệm ba loại tư duy, không khởi lên niệm khác. Nếu niệm theo duyên bên ngoài thì thâm giữ trở lại. Đó gọi là sinh nhẫn.

Nhu thuận nhẫn là như thế nào?

Bồ-tát đã đạt được công đức vô lượng của sinh nhẫn nên nhận biết phước báu của công đức này là vô thường. Khi ấy, nhàm chán vô thường tự cầu phước thường hằng, cũng vì chúng sinh mà cầu pháp thường trụ. Tất cả các pháp, pháp sắc, pháp vô sắc, pháp có thể thấy, pháp không thể thấy, pháp chướng ngại, pháp không chướng ngại, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, hữu vi, vô vi, thượng, trung, hạ, cầu tướng thật của chúng. Cớ sao tướng thật chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc, chẳng phải không lạc, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải hữu thân, chẳng phải vô thân? Tại sao chẳng phải thường? Vì do nhân duyên sinh. Trước không nay có, đã có lại không, cho nên chẳng phải thường. Tại sao chẳng phải vô thường? Vì nghiệp báo không mất, lãnh thọ trần duyên bên ngoài, nhân duyên tăng trưởng, cho nên chẳng phải vô thường. Tại sao chẳng phải lạc? Vì ở trong khổ mới sinh tướng là lạc. Tất cả là tánh vô thường, nơi dục mà sinh, cho nên chẳng phải lạc. Tại sao chẳng phải bất lạc? Vì có lạc thì có hữu, do dục nhiễm sinh ra, cầu lạc không tiếc thân mạng, cho nên, chẳng phải bất lạc. Tại sao chẳng phải không? Vì nhập vào trong ngoài, mỗi mỗi nhận biết rõ ràng, có quả báo của tội, phước, tất cả chúng sinh tin tưởng, cho nên chẳng phải không. Tại sao chẳng phải chẳng không? Vì những thứ hòa hợp sinh ra cầu phân biệt không thể được, tâm lực chuyển đổi cho nên chẳng phải chẳng không. Tại sao chẳng phải hữu thân? Vì không tự tại, thức giới thứ bảy không thể nắm bắt, tướng thân không nắm bắt cho nên chẳng phải hữu thân. Tại sao chẳng phải vô thân? Vì có đời sau, được giải thoát, mỗi mỗi tâm ta sinh ra không tính kể nơi khác, cho nên chẳng phải vô thân. Như vậy, không sinh, không diệt, chẳng phải không sinh, chẳng phải không diệt, chẳng phải có, chẳng phải không, không thọ, không chấp, mọi ngôn thuyết đều diệt, nơi chốn hành của tâm cũng diệt trừ, như tánh của Niết-bàn là tướng thật của pháp. Ở trong pháp này tâm tin tưởng thanh tịnh, không trì trệ, không ngăn ngại, uyển chuyển nhận biết, tin tưởng tiến tới. Đó gọi là pháp Nhẫn nhu thuận.

Pháp Nhẫn vô sinh là thế nào?

Như trong phần nói về pháp tướng thật trên, trí tuệ, tín, tấn, tăng trưởng, các căn thông suốt, đó gọi là pháp Nhẫn vô sinh. Ví như trong pháp của hàng Thanh văn, pháp noãn, danh, trí tuệ, tín, tinh tấn tăng trưởng đạt được pháp nhẫn. Nhẫn là nhẫn về Niết-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

bàn, nhấn với pháp vô lậu nên gọi là nhấn, mới được, mới thấy cho nên gọi là nhấn. Pháp nhấn cũng như thế, khi A-la-hán giải thoát không được trí vô sinh, tiến thêm, tạo lợi ích rộng lớn, chưa đến lúc giải thoát mà được trí vô sinh. Pháp Nhấn vô sinh cũng như vậy, tuy chưa đạt được quả vị Bồ-tát nhưng được pháp Nhấn vô sinh, đạt được hành quả chân thật của Bồ-tát, đó gọi là đạo quả của Bồ-tát.

Khi ấy, đạt được Tam-muội Ban chu, đối với chúng sinh được đại Bi, hội nhập vào pháp môn Bát-nhã ba-la-mật. Bảy giờ, Đức Phật liền thọ ký danh hiệu cho người ấy, sinh vào trong cõi Phật, được chư Phật nhớ nghĩ, tất cả tội nặng thành nhẹ, tội nhẹ được diệt trừ, đoạn dứt ba đường ác, thường sinh trong hàng trời, người, gọi là bất thoái chuyển, đến cõi bất động, nhục thân sau cùng nhập vào trong pháp thân, có thể làm đủ thứ biến hóa, độ thoát tất cả chúng sinh, đầy đủ sáu Độ, cúng dường chư Phật, làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, đứng trong mười địa, công đức viên mãn, lần lượt chứng được Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là pháp môn ban đầu trong pháp thiện của Bồ-tát.

*Khi hành giả định tâm cầu đạo
Thì thường nên quan sát phương tiện
Nếu không đúng thời, không phương tiện
Là phải bị mất không được lợi.
Như ghé chưa sinh mà vắt sữa
Không đúng thời sữa không thể có
Nếu ghé đã sinh, vắt bò được
Sữa chẳng thể được vì vô trí.
Như chặt cây ứt cầu ra lửa
Không đúng thời, lửa không thể có
Nếu bẻ cây khổ để cầu lửa
Vô trí nên không thể được lửa.
Đúng nơi, biết thời, lượng sức mình
Quán tâm, sức phương tiện nhiều ít
Hợp với tinh tấn và không hợp
Tướng đạo đúng thời và không đúng.
Nếu tâm dao động không nên dừng
Dừng quá như vậy chẳng được định
Nếu như củi nhiều, cháy lửa lớn
Gió mạnh thổi đến không dập tắt.
Nếu hay dùng định tự điều tâm
Như vậy dứt động tâm được tịnh
Ví như lửa lớn, gió mạnh thổi
Nước lớn tưới đến đều tiêu diệt.
Nếu người yếu đuối lại lười biếng
Nhàm chán như thế không nên làm
Ví như củi ít, không có lửa
Không được gió thổi, liền tự diệt.
Nếu có tinh tấn, tâm dừng mãi
Chuyển mạnh như vậy mau đạt đạo
Ví như lửa lớn, nhiều củi đốt*

Khi gió thổi đến lửa không tắt.
Nếu hành buông lung nên dừng lại
Nếu lại phế bỏ, mất hộ pháp
Ví như người bệnh được chăm sóc
Nếu không bỏ thì không được sống.
Nếu có tưởng bỏ, tâm chân chánh
Đúng thời siêng làm, mau đắc đạo
Ví như có người cỡi voi thuần
Tùy ý đi khắp không chướng ngại.
Nếu tâm nhiều dâm dục, ái loạn
Bấy giờ không nên hành Từ bi
Người dâm hành từ thêm buồn bực
Như người bệnh lạnh uống thuốc lạnh.
Người dâm, tâm loạn quán bất tịnh
Quán thật bất tịnh tâm được định
Hành pháp như vậy là thích hợp
Như người bệnh lạnh uống thuốc nóng.
Nếu tâm nhiều sân giận, rối loạn
Bấy giờ, không nên quán bất tịnh
Người sân quán ác, tăng thêm sân
Như người bệnh nóng uống thuốc nóng.
Nếu người sân giận hành tâm Từ
Hành Từ liên tục tâm sân diệt
Hành pháp như vậy là thích hợp
Như người bệnh nóng uống thuốc lạnh.
Nếu tâm nhiều ngu si tăm tối
Không hành pháp từ bi, bất tịnh
Hành hai pháp thêm si, không lợi
Như người bệnh phong uống thuốc khô.
Người tâm ngu tối, quán nhân duyên
Phân biệt quán đế, tâm si diệt
Hành pháp như vậy là thích hợp
Như người bệnh phong uống thuốc bổ.
Ví như thợ vàng bày quạt than
Dụng công trái thời, mất phương pháp
Vội vàng sử dụng không đúng lúc
Hoặc khi tưới nước hoặc buông bỏ.
Vàng chảy vội dừng thì tiêu mất
Chưa chảy liền dừng thì không tan
Phi thời tưới nước vàng còn nguyên
Phi thời buông bỏ thì không đạt.
Tinh tấn, nhất tâm và buông bỏ
Nên phải quán xét pháp hành đạo
Phương tiện phi thời, mất pháp lợi
Nếu không lợi pháp là phi lợi.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH

*Ví như thầy thuốc trị ba bệnh
Chữa lành hết bệnh lạnh, nóng, phong
Phật cũng thế theo bệnh cho thuốc
Bệnh tâm, nộ, si tùy thuốc diệt.*

